

Khe Sanh - Điện Biên Phủ Thứ Hai, Trong Chiến Tranh Việt Nam?

Mường Giang

*(Bài viết, được trích đăng, do Niên Trưởng Hoàng Phổ,
Khóa 17 giới thiệu.)*

Từ đầu năm 1966, qua sự chấp thuận của Đại Sứ Mỹ tại Lào là William Sullivan nên Đoàn Nghiên Cứu Quan Sát (SOG) đã có thể sử dụng trực thăng để thả hay bốc các toán viễn thám, hoạt động dọc theo biên giới Lào-Việt. Các toán này có quân số trên 20 toán và vài đại đội xung kích của các sắc tộc thiểu số tại Cao Nguyên Trung Phần.

Căn cứ Khe Sanh nằm cách biên giới Lào Việt chừng 14 cây số về hướng cực Tây của Quận Hưng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Căn cứ này tọa lạc trên một vị trí cao thuộc ngọn Đông Tre, hung dũng nhất trong vùng. Nơi đây có phụ lưu của sông Thạch Hãn là Rau Quan chảy qua. Địa thế của căn cứ gần như nằm trong một lòng chảo, với đồi núi bao quanh, đầy cây cối và tre nứa. Về phía Bắc có các Đồi 861. Phía Tây có các Đồi 881 Bắc và 881 Nam, kiểm soát các trục lộ quan trọng tới sân bay và căn cứ Khe Sanh.

Đây là nơi giao tranh đẫm máu giữa quân đội Mỹ trú đóng và Cộng Sản Bắc Việt. Với quân số khoảng 6000 TQLC Hoa Kỳ, căn cứ này được các đơn vị Pháo Binh từ hướng Tây Bắc

yểm trợ. Một doanh trại của Lực Lượng Đặc Biệt Hoa Kỳ nằm về mặt Tây Nam làng Vei, trên Quốc Lộ 9, kế trại tù nổi tiếng Lao Bảo sát biên giới Lào.

Tóm lại, căn cứ Khe Sanh được coi như một bàn đạp để Bộ Binh và Pháo Binh quân đội Hoa Kỳ đánh phá, ngăn chặn trực tiếp vào trực tiến quân của Cộng Sản Bắc Việt trên đường mòn HCM. Ngoài ra, nơi đây còn là một cứ điểm quân sự chiến lược nhằm ngăn chặn Việt Cộng tổ chức tấn công ttại Quảng Trị và Huế Thừa Thiên trong chiến dịch Tết Mậu Thân 1968 của chúng.

Trước tình thấy nguy ngập trên, Tướng Westmoreland, Tư Lệnh Lực Lượng Đồng Minh và Hoa Kỳ - đang tham chiến tại Việt Nam - đã quyết định phải giữ Khe Sanh bằng mọi giá, dù biết ưu thế đang thuộc về phía của địch quân. Chưa kể địa thế của căn cứ này vô cùng bất lợi về phương diện phòng thủ, vì bị đặt lọt thỏm giữa một thung lũng bao quanh là các ngọn đồi cao gần như che hết khi quan sát từ bên trong. Bất lợi của căn cứ này cũng chẳng khác căn cứ Điện Biên Phủ bao nhiêu. Ngoài ra Cộng Sản Bắc Việt còn đào được hai hệ thống giao thông hào ở phía Bắc khu phi quân sự và bên kia biên giới Lào, nơi đây địch đã thiết lập các dàn địa pháo, mà khoảng cách chỉ có 14 km. Với lợi thế về mặt chiến thuật, địch có thể tấn công căn cứ này ngày đêm.

Vào những tháng đầu năm 1967, quân số thường xuyên trấn giữ căn cứ chừng một đại đội thuộc Trung Đoàn 9 TQLC, thay phiên nhau hoán đổi. Bên cạnh đó còn có một pháo đội cơ hữu của Tiểu Đoàn 212 với hai khẩu đại bác 155 ly và hai khẩu súng cối 4.2 yểm trợ.

Tư Lệnh Đệ Tam Thủy Bộ Hoa Kỳ quyết định tăng cường thêm cho căn cứ này Tiểu Đoàn 1/9 TQLC Mỹ và Tiểu Đoàn 37 BĐQ/ VNCH và một đại đội của Tiểu Đoàn 21 BĐQ vào ngày 27 tháng Giêng năm 1968.

Vừa mới tham dự trận Thạch Trụ - Quảng Ngãi chưa được

về hậu cứ, các quân nhân của Tiểu Đoàn 37 BĐQ chưa được về hậu cứ để dưỡng quân, thay đổi quân trang, cũng như lĩnh lương thì có lệnh của Liên Đoàn 1 BĐQ tăng phái cho TQLC Hoa Kỳ tại Khe Sanh.



Thiếu Tá Hoàng Phổ, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 37 BĐQ, tại Khe Sanh -1968.

Không ai biết chỉ huy trưởng căn cứ lúc đó là Đại Tá David Edward Lownds đã nghĩ gì? Ông có tin tưởng vào sức chiến đấu của Quân Đội VNCH hay không? Hay ông muốn thử về sức chiến đấu can trường và dũng mãnh dũng mãnh của hai con cọp khét tiếng miền địa đầu giới tuyến, như lời đồn đoán? Chỉ biết một điều là ông đã đã cất đặt tuyến đóng quân phòng thủ cho BĐQ dài 1500 m, nằm ngoài vòng đai căn cứ về phía Đông, cuối phi đảo.

Các đơn vị đóng ở đây đối diện thường trực, từng giờ phút, đạn pháo kích của VC nhắm vào các loại phi cơ lên xuống phi trường Khe Sanh.

Thân phận bèo bọt của người lính trận Việt Nam Cộng hòa là thế đó. Họ đem máu và mạng sống để tô đậm thêm màu cờ sắc áo quân đội, giữ vững từng tấc đất quê hương, để các thế hệ Việt Nam Bụi sống an lành tại hậu phương.

Binh Chủng BĐQ ra đời ngày 1 tháng 7 năm 1960, theo quyết định của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Những đại đội biệt lập đầu tiên (65 đại đội) được huấn luyện chiến thuật phản du kích với nhiệm vụ chống cán binh CS xâm nhập. Cũng từ đó cho ngày 30 tháng 04 năm 1975, miền Nam bị sụp đổ, người lính BĐQ luôn là các chiến sĩ dũng cảm, chiến đấu trên khắp các chiến trường. Các đơn vị này đã chiến đấu không

thua kém bất cứ một đơn vị nào của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Từ năm 1970, các trại Dân Sự Chiến Đấu do Hoa Kỳ và Việt Nam, thành lập dọc theo biên giới Việt- Miên- Lào, được xát nhập vào binh chủng BĐQ thành các tiểu đoàn BĐQ Biên Phòng. Tới nay, quân số của BĐQ đã lên tới 40,000 người với 51 tiểu đoàn BĐQ. Từ 10 tháng 04 năm 1975, Sư Đoàn 106 BĐQ ra đời với nhiệm vụ đảm trách phòng thủ vòng đai Sài Gòn - Chợ Lớn, cho tới khi phải buông súng. Trong thời gian hiện diện, nhiều tiểu đoàn BĐQ được tuyên dương công trạng trước quân đội, cũng như được nhận huy chương cao quý của Tổng Thống VNCH và Hoa Kỳ. Trong số này phải đặc biệt kể đến Tiểu Đoàn 44 BĐQ của Thiếu Tá Lê Văn Dần, Tiểu Đoàn 52 BĐQ, Tiểu Đoàn 42 BĐQ của Thiếu Tá Lưu Trọng Kiệt, và Tiểu Đoàn 37 BĐQ của Thiếu Tá Hoàng Phổ (Khóa 17 Võ Bị) – đơn vị duy nhất tham dự trận đánh tại Khe Sanh.

Tiểu đoàn 37 BĐQ tại Khe Sanh.

Tiểu Đoàn 37 và một Đại Đội của Tiểu Đoàn 21 BĐQ nhận vị trí do đơn vị trú phòng của TQLC Mỹ ấn định. Nơi đây đã có sẵn hầm hố và giao thông hào từ trước.

Trong lúc người lính Hoa Kỳ tại căn cứ đều được nhận lãnh lương bổng tiếp tế thực phẩm, thay đổi quân trang, thuốc men đầy đủ thì người lính BĐQ tại Khe Sanh đã không có lương nhiều tháng, Họ đã không được bổ xung quân số kịp thời để thay thế những tổn thất thương vong, qua các vụ đụng độ và thiệt hại do Cộng Sản pháo kích. Ngoài ra, họ còn phải lo lắng cho số phận gia đình của mình, đang phải sống trong loạn lạc máu lửa do Cộng Quân gây ra trong các đợt tấn công của CS vào các thành phố miền Nam vào Tết Mậu Thân, từ đêm 30 Tết Mậu Thân 27 tháng giêng năm 1968. Tự hỏi nếu là người lính Hoa Kỳ trong hoàn cảnh như vậy, liệu họ có còn tinh thần để tiếp tục chiến đấu hay không?

Vậy mà binh sĩ dưới quyền của Thiếu Tá Hoàng phổ vẫn

phòng thủ vững vàng vị trí trong đêm. Ban ngày thì họ tung quân đột kích thẳng vào phòng tuyến của địch. Họ đã tịch thu được nhiều chiến lợi phẩm, trong đó có đại bác không giật tối tân mới được Nga chế tạo. Nói tóm lại như lời kết luận của Pipes: “Rất hãnh diện được chiến đấu chung với sĩ quan và binh sĩ của Tiểu Đoàn 37 BĐQ, một đơn vị đồng minh nổi tiếng rất xứng đáng được Hoa Kỳ xưng tụng.”

Từ ngày 29 tháng 1 năm 1968, Tiểu Đoàn 37 BĐQ đã đụng độ với Việt Cộng khi tung quân hoạt động bên ngoài vị trí phòng thủ. Ngày 21 tháng 2, 1968, Quận Bắc Việt mở một cuộc pháo kích dữ dội bằng đại bác và hỏa tiễn nhắm vào vị trí phòng thủ của Tiểu Đoàn 37 BĐQ. Xế trưa cùng ngày, một tiểu đoàn CS bắc Việt mở cuộc tấn công, nhưng đã bị đẩy lui và bỏ lại nhiều xác chết. Ngày 23 tháng 2 Việt cộng pháo kích vào vị trí của Tiểu Đoàn 37 BĐQ với đủ loại đạn. Ngày 29 tháng 2, 1968 vào lúc 10:15 tối, Việt Cộng mở ba cuộc tấn công và vị trí phòng thủ của Tiểu Đoàn 37 BĐQ. Cuộc giao tranh kéo dài tới 4:30 sáng thì CS chém về, bỏ lại tại mặt trận 78 xác chết và những vũ khí cá nhân, cũng như vũ khí cộng đồng.

Tóm lại, tại trận chiến Khe Sanh 1968 Tiểu Đoàn 37 BĐQ cùng một đại đội tăng cường của Tiểu Đoàn 21 đã làm rạng rỡ màu cờ sắc áo của binh chủng BĐQ Mũ Nâu, đồng thời đem lại lòng kính phục và cảm tình của quân đội Hoa Kỳ, trước ý chí chiến đấu can trường, nhất là tinh thần trách nhiệm, kỷ luật của người lính Việt Nam Cộng Hòa.

Có một câu chuyện thật cảm động và thấm thiết tình huynh đệ chi binh đối Tiểu Đoàn 37 BĐQ đang tham chiến tại Khe Sanh. Đó là việc Đại Tá Trần Văn Hai, Chỉ Huy Trưởng BĐQ, đã bất chấp nguy hiểm tới tính mạng ra thăm Tiểu Đoàn 37 BĐQ. Ông đã cùng Thiếu Tá Ngô Minh Hồng (Trưởng Phòng Ba) và Đại Úy Trần Đình Đàng (Trưởng Phòng Một) từ Sài Gòn ra Đà Nẵng rồi theo chuyến bay tiếp tế và tải thương C130 tới tận địa ngục Khe Sanh để thăm viếng và ủy lạo, cũng

như chia sót bớt phần nào nổi khổ chạm đáy kiếp người của những người lính BĐQ được tặng phái đến đây.

Ngoài ra còn có nhiếp ảnh ra chiến trường số một Việt Nam là Thiếu Tá Nguyễn Ngọc Hạnh và phóng viên quân đội Hữu Nhơn cũng đã lặn lội tới đây để hòa mình với những người lính. Hai ông đã nhiều lần bị thương khi theo các toán cảm tử BĐQ trong các lần đột kích vào phòng tuyến địch. Nhờ thế, nhiều tấm ảnh giá trị và xác thực nói lên sự hy sinh cao cả đã được phổ biến.

Riêng Phóng Viên Hữu Nhơn đã viết những bài tường thuật cảm động nêu cao được những hành động can trường và dũng cảm của Tiểu Đoàn 37 BĐQ. Những bài này đã khiến cho ai đọc tới cũng không cầm nổi nước mắt trước nỗi cực khổ và chết chóc có một không hai của đời lính bất hạnh miền Nam, cũng như thân phận nhượng tiêu của người Việt Nam.

Trưa 30 tháng 4/1975 khi có lệnh buông súng đầu hàng, Chuẩn Tướng Trần Văn Hai - Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh kiêm Chỉ Huy Trưởng Căn Cứ Đồng Tâm, Cựu Chỉ Huy Trưởng BĐQ đã quyên sinh bằng độc dược tại bàn doanh đơn vị, quyết không để cho giặc làm nhục. Ông đã cùng với các Tư Lệnh Phạm Văn Phú, Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Lê Nguyên Vũ... làm rạng danh muôn đời Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, vì tấm gương hào hùng oanh liệt và xứng đáng để cho các thế hệ Việt Nam noi gương.

Ba Thằng Nhóc

Thu Huyền Hồ, K10*

Đó là ba đứa nhỏ bạn cùng xóm trong một làng ở miền Trung nghèo khổ, bên phía Nam sông Bến Hải. Chúng nó lớn lên cùng nhau qua quãng đời niên thiếu êm đềm đầy kỷ niệm của tuổi thơ, dù cuộc sống của chúng rất đạm bạc. Cha mẹ đứa nào cũng vất vả kiếm ăn để nuôi con cái, nhà nào cũng ba bốn đứa cả trai lẫn gái. Mấy thằng nhóc được ưu tiên cấp sách vở đến trường, nhưng chưa hết bậc Tiểu Học thì thời cuộc biến chuyển vì chiến tranh, cả ba thằng đành phải bỏ học. Gia đình chúng phải chạy giặc tứ tung nên chúng phải lìa xa nhau, và từ đó mất liên lạc với nhau. Một thời gian sau đó đất nước lại chia đôi, thằng Vọng và thằng Hồ trôi giạt ra miền Bắc,

Còn thằng Gia thì phiêu lưu vào miền Nam. Thằng Vọng và thằng Gia tưởng không bao giờ còn gặp nhau nữa, nhưng có lẽ do định mệnh, hơn hai mươi lăm năm sau, hai thằng gặp lại nhau trong một hoàn cảnh trở trêu không thể ngờ là có thật.

Sau khi miền Bắc chiếm miền Nam, thằng Vọng đã tìm mọi cách trở lại làng cũ thăm hỏi bà con hàng xóm, mục đích chính là muốn biết thằng Gia còn sống hay chết, và nếu còn sống thì đang ở đâu. Rồi suốt mấy năm liền sau đó, nó vẫn để tâm dò hỏi tin tức thằng Gia không ngoài việc thỏa mãn lòng mong

nhớ thằng bạn nhỏ thuở xưa và nếu thằng bạn cần gì thì nó tìm cách giúp đỡ cho lương tâm được yên ổn. Xa cách nhau hơn một phần tư thế kỷ, thằng Vọng đã thay đổi nhiều và hiện có chút địa vị, với quyền hành trong xã hội mới. Điều nghịch lý là nó vẫn còn giữ một đốm lửa le lói cả trong trái tim và trí óc nó về những tháng ngày thơ ấu chơi đùa nghịch ngợm trong một thứ tình bạn ngây thơ non nớt nhưng thật sâu đậm với thằng Hồ và thằng Gia.

Đặc biệt với thằng Gia thì tình bạn đó còn thân thiết hơn cả anh em ruột thịt. Nó không sao quên được hình ảnh nghèo nàn của thằng Gia gầy ốm ở trần, mặc chiếc quần đùi cũ kỹ màu cháo lòng chạy lảng xãng tìm nó để chia sẻ với nó từng chút khoai lang, hay sắn nướng thơm phức mà không biết nó kiếm đâu ra; hay hai ba trái ổi sống đầy hột cứng như sạn chắc nó hái từ một cây ổi hoang ngoài đồng. Tuy còn nhỏ nhưng thằng Vọng cũng thấy xúc động trước tình bạn của thằng Gia.

Xa xóm cũ, nó lớn lên ở miền Bắc với cuộc sống cũng không khá mấy, cũng nghèo khổ thiếu ăn thiếu mặc đủ thứ, kể cả những năm được đi học. Rồi chuyện không may xảy ra với cha nó. Ông bị bí thư huyện lợi dụng uy quyền ép buộc ông đi lao động xã hội chủ nghĩa vào rừng đốn gỗ bán cho hợp tác xã để xuất khẩu. Rủi ro ông bị cây to ngã đè bị thương nặng, cứu không kịp nên chết.

Mẹ nó nghe tin, khóc vật vã bên xác chồng, rồi tỉ tê khóc tiếp tục cả tháng trời đến liệt giường và cuối cùng cũng đi theo cha nó, để lại mấy anh em nó bơ vơ. Dân trong vùng sôi sục vì cảnh đời éo le của gia đình nó nhưng không ai dám biểu lộ. Rốt cuộc, huyện phải lấp liếm giải quyết bằng cách cấp cho mấy anh em nó một ít gạo và cái bằng vô nghĩa “Gia đình Liệt Sĩ”. Nó cầm mảnh giấy mà ghen ngào, trong lòng uất hận nhưng cố nén. Mỗi thù này không trả không được, nhưng biết trả cách nào đây. Có người lớn thương tình và ngầm biết tâm tư của nó, âm thầm khuyên nó dùng cái bằng ‘con liệt sĩ’ làm bản đạp “phấn đấu” để vào đảng. Nó đủ thông minh để hiểu

lời khuyên chân tình vì nghĩ cho cùng thì không có cách nào khác...

Bây giờ nó là một đảng viên, cán bộ công an, làm quản giáo trong một trại cải tạo, mà thực chất dưới con mắt nó thì chẳng khác gì một trại tù khổ sai. Nó đã kín đáo trả đũa thù cho cha mẹ nó, trả thù cái xã hội đã gây tang tóc cho mấy anh em nó, nhưng điều trớ trêu là cũng chính cái xã hội đó đã tạo cơ hội cho nó báo hiếu mà không bị liên lụy với pháp luật. Người ta lạm dụng uy quyền để làm hại gia đình nó, còn nó cũng lạm dụng uy quyền nhưng để trả thù kẻ đã gây tội ác và luôn cả xã hội. Nó cảm thấy may mắn và tin tưởng chắc chắn là ít nhất nó cũng may mắn hơn thằng Gia.

Theo những gì nó được học tập và qua cấp trên cho biết thì thành phần nghèo khổ như thằng Gia ở trong miền Nam chỉ suốt đời làm đầy tớ, bị bóc lột lao động tận xương tủy, không sao cất đầu lên nổi. Nó rất muốn gặp lại thằng Gia để giúp đỡ trong khả năng đảng viên của nó, và cũng để gián tiếp tỏ cho thằng Gia biết nó có địa vị có uy quyền và quan trọng trong xã hội. Là công an, nhưng nó không sát máu như đại đa số công an khác. Trái lại, nó còn giữ được lương tri và lương tâm, cái loại lương tri và lương tâm thường bị phê bình là cận bã tiểu tư sản của thời phong kiến.

Sáng hôm đó ,trong lúc đội “cải tạo” , gồm toàn sĩ quan “chế độ cũ” đang cuốc đất để chuẩn bị trồng khoai mì dưới ánh nắng bắt đầu gay gắt, quản giáo Vọng bực bội đến sau lưng một người tù đang cuốc đất một cách uể oải, không chịu khom lưng đúng quy định hét lớn:

- Anh kia, cuốc mạnh đi chớ. “Lao động” chây lười rứa thì khi mô mới hết “cải tạo”?

- Tôi đói quá làm không nổi.

- Anh nói chi rứa? Đói hả? À, bêu xấu chế độ hả? Anh tên chi?

- Tôi tên Gia.

- Da bò hay da trâu? Họ tên đầy đủ là chi?

- Không phải da bò, mà là Quốc Gia.

Quản giáo lên giọng nạt nộ:

- Thôi, không được nói năng linh tinh. Anh phải thành thật khai báo với cách mạng. Anh phải biết ơn chớ. Quê anh ở mô?

- Quê tôi miền Trung, nhưng lớn lên phiêu bạt khắp miền Nam.

- Quê miền Trung, là chỗ mô? Nói cho rõ.

- Gần sông Bến Hải. Tôi không nhớ rõ.

Quản giáo chột suy nghĩ:

- À, gần sông Bến Hải? Anh nói tên anh là Gia hả? Chi Gia?

- Trần An Gia.

Quản giáo Vọng hơi tái mặt:

- Cái tên chi lạ... Anh nói lại tui nghe.

- Tên tôi là Trần An Gia.

- Anh có khi mô đổi tên không đó? Có phải là bí danh không?

- Tên tôi từ nhỏ là như vậy. Tôi không hề có bí danh.

- Rứa... anh nhớ lại coi... có quen ai tên... Lê Vọng không?

- Đó là tên thằng bạn nổi khổ lúc nhỏ của tôi. Tôi xa nó lâu lắm rồi.

- Được rồi, tiếp tục lao động đi...

Quản giáo Vọng quay lẹ lửng, lão đảo bước đi. Cái tên Trần An Gia như tiếng sét đánh ngang tai làm anh choáng váng. Vọng tự nghĩ, ‘Trời ơi, cái thằng nhóc mình mất công khó nhọc suốt mấy năm trời tìm không gặp. Chừ nó hiện ra sờ sờ trước mặt mình chưa chết nhưng trông tàn tạ như con ma đói, làm rãng mình bình tĩnh cho được. Cái thằng ni thiệt tình...’

Sau giờ cơm chiều, cán bộ quản giáo trực trại sai tên tù hình

sự trực đêm vào lán Số 4 kêu “cải tạo viên” Gia lên làm việc. Trong lúc Gia đang cùng các bạn tù đứng nghỉ ngơi chuẩn bị “vào chuồng” thì tên tù hình sự chạy đến nói to:

- Ai là tên Trần An Gia thì theo tôi lên làm việc với cán bộ trực trại, khẩn trương.

Không ai hiểu chuyện gì đang xảy ra. Riêng Gia thì hơi lo lắng, thổ lộ với một bạn tù cùng đơn vị trong quân đội trước năm 1975:

- Chắc thằng quản giáo muốn đi tao vì vụ chây lười lao động sáng nay.

- Tao theo dõi thấy nó nạt nộ mày cũng... không gất lắm. Chắc không sao đâu, đừng lo.

- Làm sao tin được tụi nó. Cùng lắm là cùm, là đói, là chết thôi...

Tên tù hình sự thúc giục:

- Anh Gia theo tôi, “khẩn trương” lên.

Gia được dẫn vào phòng trực trại trình diện với quản giáo đang có vẻ chờ. Tên tù hình sự đứng lơ ngơ đợi sai bảo thì được quản giáo ra lệnh đi kiểm tra trại lần chót, với lời dặn phải đảm bảo các cửa buồng đã khóa hết.

- Anh đi đi. Tui sẽ đưa anh này về buồng sau. Tui có chìa khóa.

- Kính chào cán bộ.

Còn lại một mình với quản giáo Vọng, Gia đứng yên lặng cúi đầu, phó mặc cho số mệnh, trong đầu thâm niệm nhiều lần câu “Nam mô Đại Từ Đại Bi Cứu khổ Cứu nạn Quan Thế Âm Bồ Tát” để tự trấn an. Nhìn tên quản giáo bước đến đóng cửa, Gia tự nhiên chuẩn bị đỡ đòn theo kinh nghiệm bạn tù truyền lại, có thể những cú đấm cú đá hung bạo với những lời chửi rủa cay nghiệt có tính cách sỉ nhục kèm những tiếng ‘nguy ác ôn đẩy nợ máu...’

- Anh ngồi xuống đi, ta nói chuyện.
- Cho phép tôi đứng.
- Tui bảo anh ngồi thì anh cứ ngồi đi. Tui không ăn thịt anh mô mà sợ.

- Cảm ơn.

Gia mạnh dạn ngồi xuống cái ghế trước mặt, cúi đầu suy nghĩ.

- Trần An Gia.

- Tôi nghe.

- Cán bộ... cán bộ cái con khi... Mi không nhận ra tau thiệt tình, hả Gia?

- Dạ...

- Dạ thưa cái cóc khô... Tau là thằng Vọng lứt lứt của mi, nhớ ra chưa?

- Vọng... Lê Vọng... Mi... là Lê Vọng hả?

- Còn ai nữa...

Vừa dứt câu, Vọng đã bước tới ôm chầm lấy Gia, thắm thiết như không muốn buông ra. Giọng

Vọng nghẹn ngào bên tai Gia:

- Tau thương, tau nhớ mi ghê lắm. Tau nghe nói mi chết lâu rồi nhưng tau không tin. Tau thăm hỏi dò tìm mi mấy năm ni rồi, ai ngờ mi lại ở trong trại “cải tạo” trước mắt tau mà tau như mù như điếc không thấy không hay không biết chi cả... tau hành hạ mi... may mà mi chưa chết...

Gia nhẹ nhàng gỡ hai cánh tay đang ôm chặt mình để nhìn vào khuôn mặt sạm đen có mấy giọt nước mắt đọng trên gò má, ấp úng:

- Cán bộ... Vọng, tôi cũng tưởng... anh...

- Anh cái con khi... Mi cứ kêu tau là thằng Vọng, mi tau

như cũ. Khi nào đi lao động thì mi

- ...Mà thôi, để tau đưa mi về phòng, mi ngồi lâu không tiện. Tau sẽ nói chuyện với mi nhiều.

Gia về chỗ nằm, gác tay lên trán, nén xúc động, cố nhắm mắt ngủ lấy sức ngày mai lại tiếp tục làm công việc khổ sai của một kiếp tù. Nhưng đầu óc cứ suy nghĩ lan man... Thấm thoát mà Gia đã ở tù hơn bốn năm tại cái trại hắc ám này. Với quá khứ tác chiến đầy hăng say của một

Trung Úy Nhảy Dù, hy vọng ngày về xa vời quá, không biết còn sức mà về nữa không. Giữa tiếng ngáy đều đều của hai bạn tù nằm hai bên, Gia thở dài, nhớ lại thời thơ ấu chơi đùa với thằng Vọng và thằng Hồ. Cả ba đứa chỉ là con nít hàng xóm, tính tình rất hợp nhau nhưng không hiểu có phải vì thế mà chúng rất thương nhau. Một phần lớn chắc chắn là do cha mẹ ba đứa. Nhà ở cùng xóm nên ba gia đình khá hiểu biết thông cảm nhau, cũng có lúc giúp nhau khi tối lửa tắt đèn, nhất là các bà mẹ, vài que củi, chút nước mắm. Cha thằng Vọng làm công cho một phú nông, còn mẹ nó thì gánh cá bán dạo trong xóm vào buổi chiều, vừa chạy lúp xúp vừa rao “Cá tươi, cá nục tươi...”. Tính tình thật thà nên ai cũng mến, không ngày nào bị ế hàng hay bán chậm đến tối. Cuộc sống đáp đổi qua ngày, vợ chồng con cái cũng no đủ.

Cha thằng Gia thì thuần túy là một nông dân chân lấm tay bùn, suốt ngày dầm mưa dãi nắng với ruộng đồng lúa má. Mẹ nó bán hàng xén rong ngoài chợ, nhàn hạ nhưng tiền bạc kiếm được không đều và không có gì chắc chắn, theo như người ta nói là tùy theo buổi chợ. Cả hai vợ chồng tuy chật vật nhưng không để con cái đến nỗi đói rách. Thằng Vọng từ nhỏ đã bộc lộ là đứa nhiều tình cảm, chân thật với bạn, nhưng kín đáo với người ngoài, trong khi thằng Gia thì tháo vát và tính tình tốt nên hay chịu thằng Vọng, khiến hai đứa lúc nào cũng như hình với bóng. Thằng Hồ thì kém may mắn hơn, vì mồ côi cha từ năm hai ba tuổi, lớn lên với ông cha ghe khó tính lại hay say

rượu, nhiều lúc đánh đập nó vô cớ không chút thương xót.

Mẹ nó đau khổ, thương nó nhưng vì sợ ông chồng vũ phu nên gần như không dám ngó ngang đến nó một cách lộ liễu. Nhiều người thấy cả hai mẹ con như vậy ai cũng bảo thật tội nghiệp. Có lẽ vì hoàn cảnh đáng thương ấy mà tính tình thằng Hồ càng lớn càng khác hai thằng kia, lém lỉnh, li lợm và cộc cằn hơn. Hai thằng kia thường hay đùa giỡn gọi nó là thằng Hồ lì, hay Hồ li tinh, để chỉ cái thói tinh ma quỷ quái của nó ưa phá phách chọc ghẹo mấy đứa con gái lớn hơn nó hay những thằng nhóc khác trong xóm.

Ngày hôm sau, quản giáo Vọng lại theo dõi cách lao động của Gia với thái độ lạnh lùng.

- Anh kia, chứng nào tật ấy, lao động chây lười. Anh đội trưởng! Anh cho đội nghỉ trưa hôm nay sớm, và đưa anh này vào nhà lô để tôi giáo dục, giúp anh ta mau tiến bộ.

- Tôi nghe rõ.

Sau khi quản giáo đi vào nhà lô, anh đội trưởng đến bên cạnh Gia, hỏi nhỏ:

- Sao cậu để nó chú ý vậy? Khi có mặt nó thì ráng cuốc mạnh lên chứ.

- Tôi đói quá. Ráng không nổi.

- Cậu đi theo tôi. Liệu lời mà nói với nó, thằng này ...

- Tôi biết...

Khi thấy Gia bước vào, quản giáo Vọng lên tiếng ngay.

- Anh đội trưởng cho đội đi “cải thiện” rồi nghỉ ăn trưa. Đến khoảng hai giờ lao động trở lại. Chừng nào làm việc xong với anh này, tôi sẽ cho anh ta ra lao động tiếp.

- Xin chào cán bộ.

Đội trưởng trở lại báo cho đội biết tin bất ngờ nhưng cũng lo cho Gia. Trong khi đó tại nhà lô, hai người bạn tâm giao mặt đối mặt nhau sau mấy chục năm nhưng với tư cách là thù

địch. Nhà lô là căn chòi nằm cách biệt trợ trợ một mình, nơi dành cho quân giáo nghỉ ngơi và ăn trưa mỗi khi đi theo đội lao động cải tạo suốt ngày. Nhà lô còn là nơi thuận tiện dành riêng cho hoạt động riêng tư của quân giáo, không một tù “cải tạo” nào dám mon men tới gần. Quân giáo Vọng bảo Gia ngồi xuống ghé rồi lấy từ trong cái túi vải nhỏ một cái cà-mèn trao cho Gia.

- Mi ăn đi. Sáng ni tau ăn nhiều, để dành phần cơm ni cho mi. Tau ăn trái chuối này đủ rồi, mi đừng áy náy. Mi vừa ăn vừa nghe tau nói chuyện.

Gia mở cái cà-mèn thấy cơm trắng, một con cá khô to bằng hai ngón tay, và cái muỗng nhôm cũ kỹ, tự nhiên nước mắt ứa ra không ngăn được. Nó mơ hồ nhận ra là tính tình thẳng Vọng vẫn như xưa, vẫn cái lối niềm nở chân tình đến mức thật thà, thân thiết. Vọng ngạc nhiên, lên tiếng:

- Răng mi khóc? Mi tủi thân hả? Hay là mi không tin tau? Mi không tin mặc kệ mi, nhưng tau quyết tâm giúp mi. Tau có cách đưa mi ra khỏi cái địa ngục trần gian ni. Ăn mau đi, đừng khóc mà lộ chuyện. Mi phải ăn cho hết để lấy sức, tau thấy mi yếu lắm. Mi phải ra khỏi chỗ ni.

- Xin lỗi, tôi không ăn như thế này được.

- Xin lỗi xin phải cái con khi. Tau không bỏ thuốc độc trong đó mô, mi đừng sợ. Tau biết mi không bao giờ tin công an Việt Cộng bọn tau, nhưng tau là thứ công an khác. Tau là bạn mi, tau thương mi, tau không thay đổi như mi tưởng...

- Nhưng... tôi không ăn hết được...

- Tôi với tớ cóc khô. Mi ráng ăn, tau no rồi. Ăn xong ngồi nghỉ... mọi chuyện để tau lo.

- Tau... lòng tốt của mi... tau có chết cũng vui lòng. Cám ơn mi.

- Thôi, mi chết răng được. Tau thiệt tình, mi cũng thiệt tình, như lúc bọn mình còn nhỏ. Tau nhớ mãi hai đứa mình thường

nói ‘Tả chô thẳng mô nói láo’ thay vì chửi thề ‘Tổ cha...’ người lớn nghe là bị la hay bị đòn, và không được nói láo...

Gia bỗng bật cười khi nghe tiếng ‘Tả chô’, một trong những kỷ niệm khó quên của thời thơ ấu. Gia xúc từng muỗng cơm đưa vào miệng ăn tự nhiên, tận hưởng như đang ăn cao lương mỹ vị, lắng nghe Vọng tiếp tục nói.

- Mi tin Việt Cộng là mi chết. Nhưng thẳng công an Việt Cộng này sẽ giúp mi sống ngẩng cao đầu như mi từng là một sĩ quan sẵn sàng chết cho đất nước. Lão thủ trưởng trại tù này mắc on tau lúc trước, tau có công cứu hấn thoát chết trong một vụ thanh toán nhau vì phe nhóm. Tau biết nhiều điều bí mật về đời hấn, và tau cũng có chỗ dựa của tau. Nhờ tau mà hấn sống và phát lên, và chính hấn đưa tau về đây làm việc với hấn. Tả chô thẳng mô nói láo.

Gia lại bật cười, ngưng ăn.

-Vọng ơi, tau tin mi, tau có chết oan thì hồn tau cũng tha thứ cho mi. Mi tính sao?

- Tau tính phải” khấn trương” lên. Tau sẽ đề nghị hấn kín đáo thả mi, nói là mi chây lười phải đưa đi trại khác. Nhưng thật ra tau sẽ nói với hấn là mi biểu hấn một chỉ vàng để trả ơn. Mi khỏi lo, tau cho mi mượn trước chỉ vàng ni. Khi mô mi trả lại cho tau cũng được.

Gia ngắt ngang, thắc mắc:

- Mi có chắc hấn có quyền thả tau không? Nếu không thì khi bị lộ, tau sẽ bị thủ tiêu liền.

- Mi khỏi lo, phe cánh của hấn cũng ăn hối lộ, tụi nó chia chác nhau. Hấn đã làm mấy vụ rồi, lần này tau nhờ hấn. Mà khi mi được thả, mi phải mau tìm cách chi đó để đừng khi mô bị bắt lại nữa... mi hiểu ý tau không?

- Tau hiểu. Mong sao ra khỏi đây...

- Tin tau đi, mi tiếp tục lao động chây lười như thường, ráng chịu đói, đừng để ai chú ý. Tau sẽ đích thân đưa mi ra khỏi trại

trong năm bảy ngày nữa, và sẽ cho mi địa chỉ của tau.

- Xin lỗi, tau có vài chuyện muốn hỏi mi, cha mẹ mi, vợ con mi ra sao? Và thằng Hồ còn sống hay chết thế nào?

- Tau nói vắn tắt thôi, cha mẹ tau mất rồi, cực khổ lắm, tau không muốn nhắc lại. Tau chưa có vợ, tại tau không muốn bị trói buộc, chỉ muốn được thoải mái như lúc tụi mình còn nhỏ, vui đùa thỏa thích. Còn thằng Hồ thì... lâu lắm rồi tau không nghe tin tức chi của hắn. Khoảng năm bảy năm trước, tau có mấy người quen, công an cả, biết rõ về thằng Hồ và có cho tau biết nhiều chuyện về hắn. Mi còn nhớ lúc nhỏ thằng Hồ rất tội nghiệp vì bị ông cha ghê hành hạ, nên sau đó lớn lên ở miền Bắc, hắn thoát ly, thành thanh niên xung phong rồi bỏ trốn sống lang thang biến thành đứa mất dạy, học đòi căm thù nên hắn gây nhiều tội ác như cướp của giết người, hiếp dâm... Nhờ được một thằng Tàu thượng tá công an có vắn lưu ý về lối sống du côn của hắn nên thu nạp hắn làm tay sai, giao cho hắn việc kiếm gái và kiếm tiền. Thằng Hồ dựa thế thằng có vắn Tàu nên chẳng sợ ai hết, do hắn được thằng Tàu tin, nhờ kiếm tiền rất đắc lực cho chủ nó, phần khác hắn quá tàn ác nên ai cũng né. Nhưng trời bất dung gian, nghe nói thằng Hồ rút cuộc cũng bị thanh toán, chết mất xác.

- Ác giả ác báo... Thế hắn có vợ con gì không?

- Tau không biết. À, mi nhắc tau mới nhớ. Cách nay ba bốn năm chi đó, vụ thằng Hồ gây rung động cả ngành công an mấy tháng liền. Nghe nói vì hắn được thằng có vắn Tàu tin cậy nên trong một buổi liên hoan tại nhà thằng có vắn, mà hắn là người phục vụ chính, hắn đã lợi dụng khách khứa về hết và người phục vụ dọn dẹp xong cũng đi nghỉ, hắn ra tay. Thằng chủ hắn thì say xỉn nên bị hắn trói lại, sau đó hắn lấy dao dọa cô vợ người Việt, và hai đứa con gái Tàu rặt của chủ hắn rồi hiếp dâm cả ba. Cô vợ người Việt mới khoảng ba mươi tuổi, kiêu vợ hờ, còn hai đứa con gái nghe nói chưa được hai mươi. Xong việc, thằng Hồ còn ăn cắp một mớ tiền và vàng bạc rồi

bỏ trốn biệt tích. Công an lùng sục ráo riết mấy tháng mà tìm không ra tông tích, bị khiển trách

lên khiển trách xuống. Tau nghĩ thằng Hồ chắc chết tiệt mô rồi, xác tìm không thấy.

- Không ngờ thằng Hồ lại đốn mạt như vậy. Cũng do hoàn cảnh và xã hội làm nó hư hỏng. Phần tao thì vợ con hiện ở Sài Gòn...

- Tau biết rồi, mi khỏi khai. Tồi qua tau đọc hết lý lịch của mi, một thằng “ngụy” ác ôn đầy nợ máu. Tau thấy mi lớn lên ở miền Nam là mi có phước lớn, được đi học hết cấp ba rồi học làm sĩ quan Nhảy Dù đánh nhiều trận... công trạng như núi mà lệt đệt mang cấp bậc trung úy. Tại răng rứa? Có phải tại tính mi không hợp với lính hay mi chây lười hay chán ghét chế độ?

- Chuyện dài lắm, có dịp tau sẽ tâm sự với mi. Nhưng thật tình tau không ân hận gì hết... Tau

còn hãnh diện về đơn vị Nhảy Dù của tau và nơi tau được đào tạo...

- Có phải cái Trường Võ Bị chi đó ở Đà Lạt, phải không?

- Đúng... Trường Võ Bị Quốc gia Việt Nam...

Vọng như bưng tỉnh:

- Chết, mi với tau ham nói chuyện lâu quá. Để tau kêu anh đội trưởng vô tau dặn. Nhớ tiếp tục chây lười... và ráng chịu đói...

Quản giáo Vọng nhanh nhẹn bước ra khỏi nhà lô, hướng về chỗ đội “cải tạo” đang ngồi nghỉ dưới bóng cây, đưa tay ngoắc liên tục. Anh đội trưởng hấp tấp chạy đến trình diện.

- Anh vô đây. Tồi nay anh tổ chức sinh hoạt đội để giáo dục anh Gia này, đội phải tích cực phê bình góp ý để giúp anh ta tiến bộ. Anh ghi lại lời phát biểu xây dựng của mỗi người về anh ta, rồi làm báo cáo sáng mai đưa cho tui, nghe rõ chưa?

- Báo cáo cán bộ, tôi nghe rõ. Xin chào cán bộ.

Gia lí nhí đủ cho anh đội trưởng nghe:

- Xin chào. Cảm ơn cán bộ.

Mấy hôm sau, các bạn tù trong đội của Gia bỗng nhiên cố ý lảng tránh Gia vì sợ liên lụy, do có người bảo có tin Gia sắp bị nhốt vì chây lười lao động. Mà Gia có chây lười thật, ai cũng biết, quản giáo cũng đã lưu ý. Tin còn cho biết Gia không những bị quản giáo gọi vào chòi phạt quỳ gối không được ăn trưa và nghe chửi hơn một tiếng đồng hồ, lại còn bị đá đít mà không được rên la. Tối lại còn bị sinh hoạt đội phê bình gắt gao, làm anh em mất ngủ. Một vài bạn tù khá thân với Gia chỉ lăm lét nhìn Gia từ xa, thấy Gia xuống sắc nhiều sợ không kham nổi, nhưng đành xót xa thôi.

Sáng Thứ Hai tiếp theo đó, lúc tất cả các đội đang tập họp ngoài sân, sắp hàng ngồi dưới đất theo từng đội chờ lệnh xuất trại đi lao động, thì trưởng trại bất ngờ xuất hiện có quản giáo Vọng đi theo. Cả đám đông mấy trăm cải tạo viên im lặng chờ nghe kêu tên người bị nhốt vào thùng sắt, bị phạt cùm... như thường lệ gần như mỗi tuần, nhưng lần này trưởng trại có mặt, chắc hình phạt phải rất quan trọng.

Trong lúc mọi người tù đang hồi hộp chờ thì trưởng trại lên tiếng vẫn tắt:

- Anh Trần An Gia được lệnh chuyển trại để tiếp tục học tập cải tạo và lao động cho tốt hơn. Đồng chí quản giáo Vọng được giao trách nhiệm thi hành. Các đội trưởng cho đội bắt đầu đi lao động.

Quản giáo Vọng bước tới cạnh Gia, lạnh lùng ra lệnh:

- Anh theo tôi về buồng lấy áo quần.

Ôm một túi nhỏ trên tay, Gia cúi mặt bước đi, theo sau là quản giáo Vọng có mang súng lục bên hông và dắt xe đạp. Cả hai im lặng ra cổng trại và đi tiếp để ra quốc lộ. Gia phân vân không biết là mình đang đóng kịch hay là sự thật. Mãi đến khi

Vọng lên tiếng bảo dừng lại ở một chỗ khuất khá xa hàng rào trại, Gia mới xúc động lí nhí:

- Cảm ơn mi đã cho tau sống lại.

- Tau mong mi sống xứng đáng. Đây, giấy ra trại, tiền đi xe, và địa chỉ của tau. Mi cứ đi tiếp sẽ ra chỗ có xe hàng chạy, mi hỏi lái xe mà trả tiền. Gặp lái xe tốt bụng có khi nó cho đi không.

Về tới nhà thì nhớ cho tau biết. Chúc mi may mắn! Tau hy vọng sẽ có ngày mi và tau gặp lại.

- Tau cũng tin như vậy.

Cả hai rung rung. Gia bước đi, Vọng đứng trông theo, chờ Gia ngoái nhìn lại lần chót mới lên xe đạp quay đi.

** Bút hiệu của Niên Trường Tôn Thất Diên K10, Giáo Sư Văn Hóa Vụ TVBQGVN.*



Sức Khỏe và Hạnh Phúc!

Mình Oi!

Cao Xuân Thanh Ngọc K14/2

(Ái Nữ của CSVSQ Cao Xuân Lê, K14 viết khi thấy Ba ngồi cạnh giường chăm sóc cho Mẹ - Tết Ất Mão 2023)

Mình nghe tôi nói, mình ơi!
Mình luôn mạnh khỏe bên tôi nhé mình
Nhớ xưa thời buổi điều linh
Tôi ra chiến trận trường chinh dãi dàu

Nào ngờ vận nước khổ đau
Đây chịu tù ngục, đổ sào gian lao
Lặng thầm cùng nỗi ước ao
Giúp nhà qua khỏi ba đào nổi trôi

Thân cò lặn lội đơn côi
Vượt sông, trèo núi, qua đồi... dặm xa
Nuôi chồng khổ chẳng kêu ca
Nuôi con vật áo chan hoà mồ hôi
Chân đạp đất, vai gánh trời
Chung thủy son sắt một đời đảm đang
Thương gia tộc, xót giang san
Một thân chèo chống trường giang hải hồ
Trời thương đến được bến bờ
Tự do, vận hội, con thơ trưởng thành



*Tuổi già sức yếu đến nhanh
Ngọn đèn trước gió mong manh giữa đời
Con cháu thành đạt nên người
Mình nằm mỗi một cố cười với con
Nụ cười trên mặt héo hon
Lòng tôi quặng thắt chẳng còn chút xuân
Trái tim mình sáng trong ngần
Tôi thương mình lắm thập phần... tôi xin
Ráng khoẻ cùng với gia đình
Với con với cháu với... tình chúng ta.*

Mơ Say



Bảo Trâm

(Thể Lục vi thủ hạ cú)

Năm mới xin nâng chung rượu say
Rượu Xuân thấm đượm rót ly đầy
Ly trao ấm áp xây tình bạn
Tình gửi dịu dàng khắc bóng ai
Bóng thoáng qua hiên vương gió nhẹ
Gió vờn quanh cửa lộng lòng ngây
Lòng còn đắm đuối mơ ngày nọ
Ngày đó cùng em tay nắm tay

NHỮNG NĂM THÌN ĐÁNG GHI NHỚ TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

(Đã được Giáo Sư Văn Hóa Vụ Trần Huy Bích hiệu đính.)

Giap Thìn, 257 trước Công Nguyên: Thục Phán thắng vua Hùng Vương thứ 18, xưng là An Dương Vương, lập ra nước Âu Lạc.

Mậu Thìn 248: Nữ anh hùng dân tộc Triệu Thị Trinh (Bà Triệu) cùng anh là Triệu Quốc Đạt lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở Thanh Hóa chống lại sự cai trị của Đông Ngô. Mậu Thìn 548: Lý Nam Đế (Lý Bôn) mất. Triệu Quang Phục lên thay, xưng là Triệu Việt Vương, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân đô hộ nhà Lương.

Giáp Thìn 944: Ngô Vương Quyền mất sau 5 năm làm vua. Ngài là người đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938, mở đầu nền tự chủ sau hơn 1000 năm Bắc thuộc.

Mậu Thìn 968: Đinh Bộ Lĩnh dẹp xong loạn 12 sứ quân lên ngôi Hoàng đế, sử gọi là Đinh Tiên Hoàng, Nhà vua đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư (Ninh Bình), mở đầu triều đại nhà Đinh.

Canh Thìn 980: Nhà Tống đem quân xâm lấn nước ta. Thập đạo tướng quân Lê Hoàn được trao nhiệm vụ lãnh đạo đất nước, Ông lên ngôi, mở đầu triều đại Tiền Lê, chuẩn bị đem

quân đôi phó với quân Tống.

Mâu Thìn 1028: Lý Thái Tổ thăng hà. Lý Thái Tông lên nối ngôi. Ba vị thân vương đem quân tranh giành. Nhờ lòng dũng cảm của Tướng Quân Lê Phụng Hiểu, đám loạn bị dẹp tan.

Bính Thìn 1076: Nhà Tống sai Quách Quỳ và Triệu Tiết đem quân xâm lấn nước ta. Trong khi hai bên đang cầm cự, bài thơ phía sau được ngâm đọc trong một ngôi đền bên bờ sông Như Nguyệt:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

*(Non sông Nam Việt thuộc vua Nam
Sách tự trời cao chép rõ ràng
Nghịch tặc có đâu sang chiếm lấn?
Bọn bay tức khắc sẽ thua tan)*

Không bao lâu sau, Lý Thường Kiệt phá tan giặc. Quân Tống phải rút về.

Nhâm Thìn 1232: Nhà Trần mở khoa thi Thái Học Sinh để chọn người tài. Trần Quốc Tuấn (sau là Hưng Đạo Vương, 1232-1300) ra đời.

Nhâm Thìn 1292: Chu An (cũng gọi là Chu Văn An, 1292-1370) ra đời.

Giáp Thìn 1304: Mở khoa thi, 44 người đỗ Thái Học Sinh. Trạng nguyên là Mạc Đĩnh Chi. Nguyễn Trung Ngạn mới 16 tuổi đậu Hoàng Giáp, được coi là thần đồng.

Canh Thìn 1340: Huyền Trân Công Chúa (1287-1340) qua đời.

Mậu Thìn 1388: Thượng Hoàng Nghệ Tông nghe lời Hồ Quý Ly, truất ngôi Phế Đế Trần Hiến (con vua Duệ Tông, cháu gọi Thượng Hoàng bằng bác), rồi bắt thất cô chết.

Canh Thìn 1400: Triều Trần suy yếu, Hồ Quý Ly cướp ngôi vua Trần, lập ra nhà Hồ (1400-1407).

Nhâm Thìn 1412: Các tướng nhà Hậu Trần là Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Dị, Nguyễn Sứy giao chiến với quân Minh ở Nghệ An. Quân ta bị thua.

Mậu Thìn 1448: Đòi vua Lê Thái Tông, cấm quan viên và quân dân không được chiếm ruộng công để đào ao, làm vườn tược, nhà cửa.

Canh Thìn 1460: Các cựu công thần Nguyễn Xí, Đinh Liệt ... dẹp phe tiếm ngôi là Lê Nghi Dân, lập Bình Nguyên Vương Tư Thành lên ngôi. Đó là vua Lê Thánh Tông.

Nhâm Thìn 1472: Định rõ thể lệ thi cử để chọn nhân tài. Định cấp bậc của các Tiến Sĩ, từ Đệ Nhất Giáp tới Đệ Tam Giáp. Vua tự ra đề văn sách để hỏi về việc trị nước. Thi Hội, chọn được 26 tiến sĩ.

Giáp Thìn 1484: Ra sắc chỉ cấm mua bán ức hiếp, cấm người giữ cửa nhận tiền đút lót. Dựng bia các tiến sĩ.

Canh Thìn 1520: Sử quan Phó Tổng Tài là Đặng Minh Khiêm biên soạn *Đại Việt Lịch Đại Sử Ký*.

Nhâm Thìn 1532: Sau khi nhà Mạc cướp ngôi, cựu thần nhà Lê là Nguyễn Kim tìm dòng dõi vua Lê, lập lên ở Ai Lao để lo việc khôi phục. Đó là Lê Trang Tông.

Bính Thìn 1556: Vua Trung Tông (con vua Trang Tông) qua đời. Thái Sư Trịnh Kiểm tìm được người cháu bốn đời của Lam Quốc Công Lê Trừ (anh ruột vua Lê Thái Tổ) là Lê Duy Bang lập lên làm vua. Đó là Lê Anh Tông.

Nhâm Thìn 1592: Trịnh Tùng đại thắng quân nhà Mạc, khôi phục kinh đô Thăng Long. Nhà Mạc chỉ còn kiểm soát phía đông sông Nhị.

Mậu Thìn 1628: Thi Hội. Giang Văn Minh đạu Thám Hoa. Năm 1637, ông được cử đi sứ Trung Hoa. Nhân vua nhà Minh ra về đối:

Đồng trụ chí kim đài dĩ lục
(Cột đồng tới nay râu đã xanh)

Ông đã khảng khái đòi lại:

Đằng giang tự cổ huyết do hồng
(Sông Bạch Đằng từ xưa máu còn đỏ)

Canh Thìn 1640: Nam Bắc phân tranh. Chúa Nguyễn Phúc Lan (chúa Thượng) ở Đàng Trong cho quân ra đánh Bắc Bộ Chính (phía Bắc sông Gianh).

Bính Thìn 1736: Khắc in các sách kinh và sử để dùng trong nước. Cấm không dùng các sách từ Trung Hoa.

Bính Thìn 1748: Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm (1765-1748) qua đời.

Nhâm Thìn 1772: Quân Xiêm đánh vào Hà Tiên. Chúa Nguyễn sai Nguyễn Phúc Đàm đem quân giao tranh với quân Xiêm trên đất Cam Bốt. Quân Nam thắng.

- Miền Bắc: Quân Tam Phủ làm loạn ở kinh đô Thăng Long, gọi là kiêu binh. Học giả Lê Quý Đôn (1726-1784) qua đời.

- Miền Nam: Quân Tây Sơn phá tan quân Xiêm trong chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút.

Canh Thìn 1820: Vua Minh Mạng lên ngôi. Thi hào Nguyễn Du (1766-1820) qua đời. Nhà ái quốc Trương Định (1820-1864) ra đời.

Giáp Thìn 1844: Các nhà ái quốc Phan Đình Phùng (1844-1895) và Nguyễn Thiện Thuật (1844-1926) ra đời.

Mậu Thìn 1868: Nhà ái quốc Nguyễn Thượng Hiền (1868-1925) ra đời.

Canh Thìn 1904: Học giả Đào Duy Anh (1904-1988) ra đời.

Mậu Thìn 1928: Năm sinh của Tr/Tg Đặng Văn Quang (Kh.1 Trường VBQG), Th/Tg Huỳnh Văn Cao (Kh. 2), Th/Tg Phạm Văn Phú (Kh. 8), Ch/Tg Lê Trung Tường (Kh.2), Ch/Tg

Võ Đình (Kh. 3), Ch/Tg Chương Dền Quay (Kh. 4).

Canh Thìn 1940: Trong khung cảnh Thế Chiến Thứ Hai, quân Nhật tiến vào Đông Dương. Lực lượng Việt Nam Kiến Quốc Quân (VNKKQ) do ông Trần Trung Lập chỉ huy cũng tiến vào Lạng Sơn.

Sau khi điều đình với Pháp, quân Nhật rút đi, khiến VNKKQ phải đơn phương chống Pháp và chịu thất bại. Trần Trung Lập bị Pháp bắt được và xử tử.

Đảng Cộng Sản khởi xướng một cuộc nổi dậy ở nhiều tỉnh miền Nam, gọi là “Nam Kỳ Khởi Nghĩa.” Cuộc nổi dậy thất bại hoàn toàn. Hầu hết lãnh tụ CS trong Nam bị Pháp bắt giam.

Nhâm Thìn 1952: Hồ Chí Minh bí mật sang Bắc Kinh rồi sang Liên Xô.

Việt Minh mở chiến dịch Tây Bắc, làm chủ vùng đất giáp giới với Lào.

Đây cũng là một năm đặc biệt với Trường VBQG:

- Tốt nghiệp Khóa 5 (Hoàng Diệu) ngày 20/04/1952
- Tốt nghiệp Khóa 6 (Đình Bộ Lĩnh) ngày 1/10/1952
- Khai giảng Khóa 7 (Ngô Quyền) ngày 15/05/1952
- Khai giảng Khóa 8 (Hoàng Thúc Hồng) ngày 15/ 10/ 1952.

Giáp Thìn 1964: Miền Nam trải qua nhiều xáo trộn sau cuộc đảo chánh ngày 1/11/1963.

Trong một năm có nhiều cuộc chính lý, đảo chánh, phản đảo chánh. Nhiều chính phủ ngắn hạn kế tiếp nhau.

Đối với Trường VBQG:

- Tốt nghiệp Khóa 19 (Nguyễn Trãi) ngày 28/ 11/ 1964
- Khai giảng Khóa 21 (Chiến Thắng Nông Thôn) ngày 14/ 12/ 1964.